

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON RẪY
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ- ST

ngày 24/9/2018

“V/v xin ly hôn, giải quyết nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON RẪY, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có::

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thành.

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Hồng Phúc.

+ Bà Y H Liêu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đăng Lễ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy .

Trong ngày 24/9/2018, tại Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2018 "về xin ly hôn và giải quyết nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST –HNGĐ ngày 23/8/2018, Thông báo hoãn phiên tòa số 01/2018/TB-HPT ngày 17/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T;

Địa chỉ: Thôn 01, thị trấn ĐăkRve, huyện K, tỉnh K. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê T L.

Địa chỉ: Thôn 01, thị trấn ĐăkRve, huyện K, tỉnh K. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2018, qua các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Lê T L chung sống với nhau từ năm 1991 đến nay, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống từ năm 1991 đến năm 2005 hạnh phúc và từ năm 2006 đến nay chị T và anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, anh L nghi ngờ chị T ngoại tình với người khác. Chị T và anh L cũng đã nhiều lần khắc phục mâu thuẫn để sống chung nhưng được một thời gian lại nảy sinh mâu thuẫn. Chị T nhận thấy tình cảm giữa chị và anh L không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết để chị và anh L được ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung tên Lê T L, sinh ngày 02/4/1993 và Lê Thị H N, sinh ngày 08/8/2000 khi nộp đơn xin ly hôn con Lê

Thị H N chưa đủ 18 tuổi. Hiện nay, các con đều đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về khoản nợ chung: Không.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T nhận nộp tòa bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Bị đơn: Anh Lê T L trình bày:

Theo đơn khởi kiện, qua những lần hòa giải và lời trình bày của chị Nguyễn Thị T tại phiên tòa, tôi hoàn toàn nhất trí về việc chúng tôi sống chung từ năm 1991 đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, chúng tôi có những mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T ngoại tình với người khác, tôi đã nhiều lần khuyên chị T khắc phục những lỗi lầm của mình và tôi bỏ qua những lỗi lầm của chị T để cùng chung sống nuôi dạy các con tôi mong muốn cả hai về tiếp tục sống chung để cùng nhau chăm lo xây dựng gia đình hạnh phúc. Tại phiên Tòa anh L đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Về con chung: Tôi nhất trí với lời trình bày của chị Nguyễn T T, chúng tôi có 02 con chung tên Lê T L, sinh ngày 02/4/1993 và Lê Thị H N, sinh ngày 08/8/2000. Hiện nay, các con đều đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua lời khai và yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền:

Yêu cầu của đương sự trong vụ án là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Thị T và anh Lê T L chung sống như vợ chồng từ năm 1991 đến nay, đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo qui định của Luật hôn nhân và gia đình về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn, tuy nhiên các bên không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu của chị Nguyễn T T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy giải quyết để chị và anh L được ly hôn là không có căn cứ; HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14 luật hôn nhân gia đình 2015 không công nhận chị Nguyễn T T và anh Lê T L là vợ chồng.

[3]. Về con chung:

Trong thời gian chung sống chị T và anh L có 02 con chung tên Lê T L, sinh ngày 02/4/1993 và Lê Thị H N, sinh ngày 08/8/2000 khi chị T nộp đơn yêu cầu ly hôn, cháu Lê Thị H N chưa đủ 18 tuổi. Hiện nay, các con của anh L và chị T đều đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được. Các cháu Lê T L và Lê Thị H N có bản tự khai nộp cho Tòa án và thừa nhận là hiện nay các cháu đều đủ tuổi trưởng thành và có công việc làm ổn định nên không cần chị T, anh L phải cấp dưỡng. HĐXX nhận thấy là phù hợp theo qui định của luật nên không xem xét khoản cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15; Điều 57 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2015; khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về qui định mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Lê T L là vợ chồng.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2014/0000571 ngày 03/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thành